

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/DS-ST
Ngày: 23-7-2024
V/v tranh chấp “HĐ mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Lê Văn Thới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/7/2024 và 23/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1956. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1953. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ H ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lại Phan Xuân Đ2, sinh năm 1985; địa chỉ: Số B đường L, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (hợp đồng ủy quyền ngày 12/5/2022). (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Thị Xuân H (vắng mặt) và Luật sư Võ Thị T (có mặt) – Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV C1; trụ sở: Số A đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Chị Võ Thị Xuân Q - Chức vụ: Chủ tịch. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Xuân Q: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số D Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2023). (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Thu Y, sinh năm 1960 - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV C1; địa chỉ: Số A đường T, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Thu Y: Anh Trần Chính T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2019). (có mặt)

2. Ông Võ Văn S, sinh năm 1965; địa chỉ: Số I đường L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn S: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số D Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2023). (có mặt)

3. Anh Nguyễn Hoàng H2, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A đường L, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/11/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/12/2021, 31/5/2021 và 12/5/2022 của nguyên đơn ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1, trong quá trình giải quyết vụ án chị L Phan Xuân Đ2 là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Năm 2016 bà Đỗ Thị Thu Y - Giám đốc Công ty TNHH MTV C1 (gọi tắt Công ty C1) cùng ông Đ và bà Đ1 giao dịch mua bán cá tra nguyên liệu cho đến khi xảy ra tranh chấp năm 2019.

Thời gian đầu, hai bên có làm hợp đồng kinh tế như Hợp đồng ngày 10/11/2016, 19/12/2016, 10/7/2017. Khi cá đủ kích cỡ theo quy định của Công ty C1 đưa ra sẽ thu mua toàn bộ ao cá hai bên ký hợp đồng. Sau khi giao cá sẽ chuyển khoản thanh toán. Các hợp đồng trên đã thanh lý giải quyết xong.

Hiện nay Công ty C1 còn nợ ông Đ và bà Đ1 các khoản tiền sau:

1. Tiền mua cá tra nguyên liệu năm 2019 là 23.587.311.000 đồng.

Ngày 16/02/2019, bà Đ1 và bà Y thỏa thuận mua bán cá qua điện thoại, bà Y mua 01 ao khoảng 1.300 tấn, trọng lượng từ 1 kg - 1,2 kg/con, bà Y chốt giá cố định 31.000 đồng/kg. Do tin tưởng ở những lần hợp tác làm ăn trước nên thỏa thuận miệng với bà Y. Khi cá đạt theo yêu cầu từ 1 kg - 1,2 kg/con đúng với

kích thước Công ty đưa ra, bà Đ1 nhiều lần yêu cầu Công ty và bà Y bắt cá nhưng kéo dài thời gian ngày bắt cá. Trước ngày bắt cá ngày 22/7/2019, bà Đ1 có điện thoại cho bà Y xuống làm hợp đồng nhưng bà Y nói không có ở nhà, đi một tuần mới về, bà Y nói còn hợp đồng cũ nếu bà Đ1 không tin thì bà Y không bắt, để bắt cá xong xuống lấy tiền một lần là xong. Bà Y có hỏi cái ao này được bao nhiêu tấn, bà Đ1 trả lời 1.300 tấn.

Từ ngày 24/7/2019, Công ty bắt cá mỗi ngày cho đến ngày 31/7/2019 thì ngưng. Bà Y nói ngoài Bộ vào kiểm tra, thanh tra nhà máy. Ngày 11/8/2019, bắt tiếp đến ngày 13/8/2019 bà Y nói nghỉ rằm lớn một ngày, nhưng đợi hoài không thấy bà Y bắt số lượng cá còn lại trong ao.

Ngày 13/9/2019, con ông Đ, bà Đ1 là anh Lê Nguyễn Đông K và Công ty C1 có ông Võ Văn S làm biên nhận bắt cá với số lượng 760.881 kg x 31.000 đồng = 23.587.311.000 đồng.

2. Bồi thường thiệt hại số tiền 7.785.100.000 đồng do không bắt hết cá trong ao.

Ngày 16/02/2019, bà Y thỏa thuận qua điện thoại mua ao cá khoảng 1.300 tấn, giá 31.000 đồng/kg, trọng lượng từ 1 kg - 1,2 kg/con. Ngày 13/9/2019 Công ty làm biên nhận đã bắt 760.881 kg cá, còn lại rất nhiều cá trong ao. Sau khi đã bắt số lượng cá trên, bà Đ1 đã chủ động liên lạc bằng điện thoại để gặp bà Y nhưng không được. Thỏa thuận tuy không được lập thành văn bản nhưng được ghi âm lại và được lập Vi bằng đảm bảo tính xác thực của cuộc gọi ngày 16/02/2019, các bên vẫn thừa nhận hợp đồng thông qua việc bắt cá trong ao, hành vi bắt cá không hết là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến tổng thể ao cá, số lượng cá trong ao còn lại để lâu không bắt, không thể bán cho công ty khác do cá lớn hơn kích cỡ chế biến. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ, bà Đ1 có yêu cầu Công ty C1 bắt cá nhưng không đồng ý. Trong thời gian dài Công ty C1 không bắt cá, hàng ngày lượng thức ăn tiêu tốn vì cá ăn nhiều nhưng tăng trưởng ít, vượt kích thước cho phép để xuất ao nên rất khó bán ra thị trường. Do không đủ khả năng cho cá ăn nên ông Đ bà Đ1 buộc bán ra chợ toàn bộ số cá trong ao mà Công ty C1 chưa bắt hết. Số lượng ông Đ bà Đ1 bán được 613.000 ký x 18.300 đồng/kg = 11.297.900.000 đồng.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại ông Đ, bà Đ1 yêu cầu như sau: Theo thỏa thuận ngày 16/02/2019, Công ty xác định giá cá 31.000 đồng/kg. Thành tiền: 613.000 ký x 31.000 đồng/kg = 19.003.000.000 đồng. Thời điểm bán số cá còn lại được 11.297.900.000 đồng. Ông Đ, bà Đ1 yêu cầu Công ty C1 và bà Y bồi thường thiệt hại do không bắt cá đúng thỏa thuận là 7.785.100.000 đồng.

3. Theo hợp đồng ngày 20/12/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018 thì Công ty C1 mua của ông Đ, bà Đ1 tổng số 1.348.970 ký cá tra nguyên liệu với giá 31.000 đồng, thành tiền 41.818.070.000 đồng, đã trả 26.000.000.000 đồng (chuyển khoản nhiều lần từ ngày 05/02/2018 đến ngày 18/7/2018). Hiện Công ty C1 còn thiếu 15.818.070.000 đồng.

Tổng cộng Công ty C1 và bà Y còn nợ 3 khoản là 46.952.710.000 đồng (đã khấu trừ số tiền 237.771.000 đồng mà bà Y đã chuyển khoản vào ngày 06/11/2019).

Đối với số lượng thức ăn mà Công ty C1 cho rằng ông Đ và bà Đ1 đã nhận 1.530.270 kg.

Theo bảng kê mua thức ăn ngày 28/02/2020, bà Y cho rằng trong thời gian từ ngày 05/5/2018 - 30/8/2018 ông Đ, bà Đ1 có nhận thức ăn với số lượng 1.530.270 kg, giá từ 10.100 đồng/kg - 10.500 đồng/kg, thành tiền 15.740.730.000 đồng.

Tờ tường trình ngày 29/12/2020 của anh H2 xác định số lượng thức ăn ông Đ và bà Đ1 thực nhận là 1.491.270 kg và tại Biên bản hòa giải ngày 14/02/2020, ngày 14/5/2020 ông Đ, bà Đ1 thừa nhận từ ngày 05/5/2018 - 30/8/2018 có nhận là 1.491.270 kg, chênh lệch 39.000 ký so với số liệu bà Y đưa ra.

Bị đơn Công ty C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S có ông Nguyễn Văn H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn Công ty C1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có việc mua bán giữa bị đơn với nguyên đơn, Công ty C1 mua số lượng cá từ bà Đỗ Thị Thu Y và đề nghị xử lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bà Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thu Y có anh Trần Chính T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi số tiền mua cá tra nguyên liệu năm 2019 là 23.587.311.000 đồng.

Bà Y xác định giá cá 21.000 đồng/kg là giá thị trường tại thời điểm bắt cá, không có giá 31.000 đồng/kg. Bà Y và nguyên đơn thỏa thuận qua điện thoại chứ không có lập hợp đồng. Bà Y cũng đã cung cấp cho Tòa án các hợp đồng mua bán cá có cùng thời điểm bà Y mua cá của nguyên đơn để chứng minh giá cá từ 19.000 - 21.000 đồng/kg tại thời điểm bà Y mua cá của nguyên đơn. Không có chuyện bà Y hợp đồng với nguyên đơn bắt cá với giá 31.000 đồng/kg, trong khi giá tại thời điểm đó giá chỉ từ 19.000 - 21.000 đồng/kg.

Bà Y thừa nhận giọng nói là của mình trong đoạn ghi âm mà nguyên đơn cho rằng ghi âm vào ngày 16/02/2019. Tuy nhiên, bà Y không nhớ đã nói chính xác vào ngày tháng năm nào, có thể là vào năm 2018, lúc đó giá cá rất cao từ 31.000 - 35.000 đồng/kg. Ý kiến của bà Y là đoạn ghi âm không liên quan gì đến việc mua bán cá từ ngày 24/7/2019 - 31/7/2019. Bà Y xác định giá cá 21.000 đồng/kg là đúng theo giá thị trường vào thời điểm bắt.

Về chứng cứ để chứng minh đã thanh toán 15.978.501.000 đồng (760.881 kg x 21.000 đồng/kg) cho nguyên đơn. Bà Y trình bày số tiền mua cá này cần trừ vào tiền nợ mà nguyên đơn đã nợ của bà Y tiền thức ăn từ ngày 05/5/2018 -

30/8/2018 với số lượng 1.530.270 kg, giá dao động từ 10.100 - 10.500 đồng/kg, tổng số tiền thức ăn nguyên đơn nợ bà Y 15.740.730.000 đồng.

Về tiền thức ăn mà nguyên đơn nợ bà Y từ năm 2018, tại các buổi hòa giải thì nguyên đơn đã thống nhất với số lượng còn nợ bà Y 1.491.270 kg và chỉ lệch 39.000 ký so với bảng kê của bà Y nêu. Nguyên đơn chỉ không đồng ý giá thức ăn từ 10.100 - 10.500 đồng/kg như bà Y đưa ra mà cho rằng bà Y hứa bán chỉ có 9.000 đồng/kg. Bà Y là đại lý thức ăn cấp 1 của Công ty D và việc kinh doanh đại lý là mua thức ăn từ Công ty rồi bán lại cho người nuôi cá để lấy lãi. Bà Y cũng đã nộp cho Tòa án các hóa đơn tài chính phía Công ty D xuất cho bà Y cùng thời điểm bà Y mua thức ăn và bán lại cho nguyên đơn. Các hóa đơn này đều thể hiện giá Công ty bán cho bà Y từ 10.100 - 10.500 đồng/kg nên hoàn toàn không có việc bà Y bán nợ dài hạn cho nguyên đơn với giá 9.000 đồng/kg để phải chịu lỗ mỗi kg từ 1.100 - 1.500 đồng.

Sau khi bắt cá xong thì chi tiết về công nợ của bà Y và nguyên đơn như sau: Nguyên đơn nợ bà Y tiền thức ăn 15.740.730.000 đồng. Tiền cá tra nguyên liệu bà Y nợ nguyên đơn 15.978.501.000 đồng (760.881 kg x 21.000 đồng/kg). Cán trừ công nợ giữa thức ăn và cá nguyên liệu: 15.978.501.000 đồng - 15.740.730.000 đồng = 237.771.000 đồng. Số tiền bà Y phải trả thêm cho nguyên đơn sau khi cán trừ là 237.771.000 đồng, bà Y đã chuyển khoản cho nguyên đơn vào ngày 06/11/2019 là hết nợ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi bồi thường thiệt hại số tiền 7.785.100.000 đồng do không bắt hết cá trong ao.

Biên nhận ngày 13/9/2019, con ông Đ bà Đ1 là anh Lê Nguyễn Đông K và bên Công ty C1 là ông Võ Văn S làm biên nhận bắt cá ở mục ghi chú có ghi "Tổng ao" nghĩa là đã bắt hết cá trong ao nên không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền trên.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi số tiền còn thiếu 15.818.080.000 đồng theo hợp đồng ngày 20/12/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018 thì bà Y cũng không đồng ý vì trước năm 2019 nguyên đơn cũng đã xác nhận các bên đã thanh toán xong sau mỗi lần mua bán cá.

Ngày 19/5/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Thu Y có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu khấu trừ tiền nguyên đơn nợ bà Y tiền thức ăn 15.740.730.000 đồng và tiền bà Y mua cá tra của nguyên đơn 15.978.501.000 đồng, sau khi khấu trừ bà Y đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 237.771.000 đồng vào ngày 06/11/2019.

Tờ tường trình ngày 29/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng H2 trình bày:

Từ ngày 05/5/2018 - 30/8/2018, anh có vận chuyển cho bà Y số lượng thức ăn 1.530.270 kg, anh đã giao đủ số lượng thức ăn nêu trên cho bà Đ1, ông Đ và có báo cáo cho kế toán của bà Y mỗi lần giao hàng qua mail hoặc zalo, anh cũng đã nhận đủ số tiền phí vận chuyển của bà Y. Tuy nhiên, giữa bà Đ1 và bà

Y đổi chiếu lịch 39.000 ký chưa tìm ra, số lượng bà Đ1 báo thực nhận là 1.491.270 kg. Sau đó bà Y yêu cầu anh gặp bà Đ1 để kiểm tra lại nhưng giữa anh và bà Đ1 chưa tìm ra. Anh yêu cầu bà Đ1 xác nhận phần thực nhận nhưng bà Đ1 không đồng ý và trả lời, khi nào tìm ra phần chênh lệch 39.000 ký rồi xác nhận luôn.

Bản án số 80/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã xử:

1. Về nội dung:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1.

Buộc Công ty TNHH MTV C1 phải có trách thanh toán cho ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 39.000 kg thức ăn với số tiền 401.700.000 đồng (bốn trăm lẻ một triệu bảy trăm nghìn đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV C1 và bà Đỗ Thị Thu Y thanh toán số tiền cá tra nguyên liệu là 39.167.610.000 đồng (ba mươi chín tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm mười nghìn đồng) và bồi thường với số tiền 7.785.100.000 đồng (bảy tỷ bảy trăm tám mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

1.3. Dành cho Công ty TNHH MTV C1 một vụ kiện dân sự khác để khởi kiện ông Nguyễn Hoàng H2 về việc tranh chấp 39.000 kg thức ăn (khi có yêu cầu).

Bản án số 28/2022/DS-PT ngày 24/02/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xử: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 80/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Lại Phan Xuân Đ2 đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Công ty C1 và bà Y trả cho ông Đ và bà Đ1 các khoản tiền sau:

1. Tiền mua cá tra nguyên liệu năm 2019 là 23.587.311.000 đồng.

2. Bồi thường thiệt hại số tiền 7.785.100.000 đồng do không bắt hết cá trong ao.

3. Theo hợp đồng ngày 20/12/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018 thì Công ty C1 mua của ông Đ, bà Đ1 tổng số 1.348.970 ký cá tra nguyên liệu với giá 31.000 đồng, thành tiền 41.818.070.000 đồng, đã trả 26.000.000.000 đồng (chuyển khoản nhiều lần từ ngày 05/02/2018 đến ngày 18/7/2018). Hiện Công ty C1 còn thiếu 15.818.070.000 đồng.

Tổng cộng 3 khoản là $47.190.481.000 - 237.771.000 = 46.952.710.000$ đồng (khấu trừ số tiền 237.771.000 đồng mà bà Y đã chuyển khoản vào ngày 06/11/2019).

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Y cản trừ tiền mua cá vào tiền thức ăn và ông Đ, bà Đ1 chỉ thừa nhận có nhận số thức ăn nuôi cá từ bà Y là $2.930 \text{ ký} \times 9.000 \text{ đồng/ký} = 26.730.000 \text{ đồng}$.

Ông Nguyễn Văn H1 đại diện bị đơn Công ty C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn S trình bày:

Bị đơn Công ty C1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có việc mua bán giữa bị đơn với nguyên đơn, Công ty C1 mua số lượng cá từ bà Đỗ Thị Thu Y và đề nghị xử lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bà Y.

Anh Trần Chính T1 đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Thu Y trình bày:

Giữ nguyên yêu cầu độc lập ngày 19/5/2022. Bà Y giao dịch mua bán cá đối với bên nguyên đơn. Bà Y xác định giá cá là 21.000 đồng/ký, giá bán thức ăn từ 10.100 đồng đến 10.500 đồng/ký; số lượng thức ăn bà Y bán cho nguyên đơn từ ngày 05/5/2018 đến 30/8/2018 là 1.530.270 ký. Đã bù trừ với tiền mua cá của nguyên đơn xong nên không đồng ý trả 23.587.311.000 đồng.

Không đồng ý bồi thường thiệt hại cho bên nguyên đơn vì biên nhận ngày 13/9/2019 ở mục ghi chú ghi “Tổng ao” nghĩa là đã bắt hết cá trong ao. Không đồng ý bồi thường thiệt hại 7.785.100.000 đồng.

Không đồng ý trả tiền mua cá theo hợp đồng ngày 20/12/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018 vì trước năm 2019 nguyên đơn cũng đã xác nhận các bên đã thanh toán xong sau mỗi lần mua bán cá.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty C1 và bà Đỗ Thị Thu Y trả cho nguyên đơn các khoản tiền sau:

1. Tiền mua cá tra nguyên liệu năm 2019 là 23.587.311.000 đồng.
2. Bồi thường thiệt hại số tiền 7.785.100.000 đồng do không bắt hết cá trong ao.
3. Theo hợp đồng ngày 20/12/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018 thì Công ty C1 còn thiếu 15.818.070.000 đồng.

Tổng cộng 3 khoản là $47.190.481.000 - 237.771.000 = 46.952.710.000$ đồng (khấu trừ số tiền 237.771.000 đồng mà bà Y đã chuyển khoản vào ngày 06/11/2019).

Không chấp nhận cản trừ tiền nợ thức ăn của bà Y vì chứng cứ chưa rõ ràng. Đề nghị dành cho bà Y một vụ kiện khác để kiện ông Đ, bà Đ1 nếu có đủ chứng cứ chứng minh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn

kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1.

Buộc bà Đỗ Thị Thu Y trả cho ông Đ, bà Đ1 số tiền mua cá 15.740.730.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà Đ1 buộc công ty C1 và bà Y liên đới trả số tiền mua cá 7.846.581.000 đồng, bồi thường thiệt hại số tiền 7.785.100.000 đồng và trả tiền mua cá theo hợp đồng ngày 20/12/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018 còn nợ lại là 15.818.070.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Y. Buộc ông Đ và bà Đ1 trả cho bà Y số tiền mua thức ăn còn nợ là 15.339.560.000 đồng

Không chấp nhận yêu cầu của bà Y về việc buộc ông Đ và bà Đ1 trả 39.000kg thức ăn còn thiếu số tiền 401.170.000 đồng.

Án phí: Ông Đ, bà Đ1, bà Y được miễn tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự, thẩm quyền loại việc quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi Công ty C1 và bà Y phải trả số tiền mua cá nguyên liệu năm 2019 là 23.587.311.000 đồng.

Về số lượng cá: Ngày 13/9/2019 ông Võ Văn S ký biên nhận xác nhận với nội dung ông Lê Hồng Đ đã bàn giao số lượng cá thực nhận từ ngày 24/7/2019 - 31/7/2019 là 760.881 kg cá.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Y thừa nhận số lượng 760.881 kg cá. Do đó, căn cứ khoản

2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật không phải chứng minh.

Về giá cá: Nguyên đơn cho rằng nội dung cuộc ghi âm ngày 16/02/2019, giữa nguyên đơn và bà Y thỏa thuận miệng giá cá là 31.000 đồng/kg và được Văn phòng T2 lập Vi bằng số 12/Quyển số: 01-2020/VB ngày 30/6/2020. Bà Y thừa nhận giọng nói của mình trong đoạn ghi âm. Tuy nhiên, bà không nhớ đã nói chính xác vào ngày tháng năm nào, có thể là vào năm 2018, lúc đó giá cá rất cao từ 31.000 - 35.000 đồng/kg nên bà Y xác định đoạn ghi âm không liên quan gì đến việc mua bán cá từ ngày 24/7/2018 - 31/7/2018. Bà Y xác định giá cá là 21.000 đồng/kg là đúng theo giá thị trường vào thời điểm bắt.

Ngày 23/6/2020, Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định số: 196/2020/QĐ-TCGD về việc Trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh V. Thực hiện giám định: “Giọng nói” và “Thời gian” cuộc gọi đã được ghi âm. Số điện thoại 0919.083.666 của bà Đ1 gọi cho bà Y số điện thoại 0907.724.438 ngày 16/02/2019 lúc 10 giờ 49 phút. Ngày 25/6/2020, Phòng K1 Công an tỉnh V trả lời bằng Công văn số: 259/PC09-Đ2 ngày 25/6/2020 về việc khước từ giám định với lý do chưa có trang thiết bị để thực hiện giám định theo trưng cầu của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Xét thấy, giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bà Y được thể hiện bằng lời nói, không lập thành văn bản, dẫn đến thỏa thuận không rõ ràng giá cá 21.000 đồng/kg hay 31.000 đồng/kg.

Tại khoản 2 Điều 433 của Bộ luật Dân sự quy định: “Trường hợp không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận không rõ ràng về giá, phương thức thanh toán thì giá được xác định theo giá thị trường, phương thức thanh toán được xác định theo tập quán tại địa điểm và thời điểm giao kết hợp đồng”.

Bà Y cung cấp được các Hợp đồng mua bán cá tra nguyên liệu. Cụ thể: Hợp đồng kinh tế về việc mua bán cá tra nguyên liệu số: 01/CT-THANHHAI/2019 ngày 11/9/2019 giữa Công ty TNHH MTV C1 với ông Lê Thanh H3, giá cá mua tại hàm 21.000 đồng/kg. Hợp đồng kinh tế về việc mua bán cá tra nguyên liệu số: 03/CT-NHA/2019 ngày 21/9/2019 giữa Công ty TNHH MTV C1 với ông Trần N, giá cá mua tại hàm 19.500 đồng/kg. Hợp đồng kinh tế về việc mua bán cá tra nguyên liệu số: 02/CT-HUUCONG/2019 ngày 15/9/2019 giữa Công ty TNHH MTV C1 với ông Phan Hữu C, giá cá mua tại hàm 20.500 đồng/kg.

Nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng mua bán giá cá tra nguyên liệu tại thời điểm bắt cá với giá 31.000 đồng/kg. Nguyên đơn cho rằng ngày 16/02/2019, chốt giá cố định 31.000 đồng/kg và chốt số lượng cá trong ao 1.300 tấn. Tuy nhiên từ ngày 24/7/2019-31/7/2019 mới bắt cá, đến ngày 13/9/2019 xác nhận số lượng. Thực tế giá cá theo thị trường có thể lên xuống, thay đổi hàng ngày, trong khoảng thời gian gần 06 tháng là đã nuôi được một vụ cá khác.

Vì vậy, yêu cầu buộc Công ty C1 và bà Y phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 23.587.311.000 đồng với giá 31.000 đồng/kg theo biên nhận ngày 13/9/2019 là không có căn cứ chấp nhận.

Bà Đỗ Thị Thu Y là người trực tiếp thỏa thuận mua cá với nguyên đơn nên bà Y phải có nghĩa vụ trả tiền mua cá cho nguyên đơn số lượng cá thực nhận từ ngày 24/7/2019 - 31/7/2019 là 760.881 kg x 21.000 đồng = 15.978.501.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã trả 237.771.000 đồng. Bà Đỗ Thị Thu Y còn phải trả 15.740.730.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi Công ty C1 và bà Y phải bồi thường thiệt hại do không bắt cá hết cá trong ao số tiền 7.785.100.000 đồng.

Căn cứ biên nhận ngày 13/9/2019 thì phía bà Y đã bắt cá từ ngày 24/7/2019 - 31/7/2019 được 760.881 kg cá. Do các bên không thỏa thuận rõ ràng về số lượng cá bà Y phải bắt là bao nhiêu ký, ở mục ghi chú ghi “Tổng ao” được hiểu là đã bắt hết cá trong ao nên không có căn cứ buộc Công ty C1 và bà Y phải có trách nhiệm bồi thường do không bắt hết cá với số tiền 7.785.100.000 đồng cho nguyên đơn.

[2.3] Xét yêu cầu buộc Công ty C1 và bà Y phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 15.818.070.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế ngày 20/12/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018.

Xét thấy, tại Đơn khởi kiện ngày 04/11/2019, Bản tự khai cùng ngày và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/12/2019. Nguyên đơn xác nhận, từ năm 2016 đến năm 2018, nguyên đơn thực hiện đúng thỏa thuận và Công ty C1 đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn sau mỗi lần giao cá. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền mua cá tra nguyên liệu chưa thanh toán là 760.881 kg cá theo biên nhận ngày 13/9/2019. Nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Thu Y:

Về số lượng thức ăn: Từ ngày 05/5/2018 - 30/8/2018, anh Nguyễn Hoàng H2 xác định có vận chuyển cho bà Y số lượng 1.530.270 kg, anh đã giao đủ số lượng nêu trên cho nguyên đơn. Tại Biên bản hòa giải ngày 14/02/2020 và ngày 14/5/2020 nguyên đơn thừa nhận từ ngày 05/5/2018 - 30/8/2018 thực nhận 1.491.270 kg thức ăn, chỉ lệch 39.000 kg so với bảng kê của bà Y là 1.530.270 kg. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi ý kiến chỉ thừa nhận số lượng thức ăn phía Công ty C1 giao là 2.930 ký trị giá 26.730.000 đồng. Do nguyên đơn thay đổi lời khai nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc thay đổi lời khai là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do nguyên đơn không thừa nhận có nhận 39.000 kg thức ăn và anh H2 cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, bà Y phải chịu trách nhiệm đối với số lượng lệch 39.000 kg (1.530.270 kg - 1.491.270 kg = 39.000 kg) thức ăn này đối với nguyên đơn.

Về giá thức ăn: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bà Y được thể hiện bằng lời nói, không lập thành văn bản, dẫn đến thỏa thuận về giá thức ăn không rõ ràng, 9.000 đồng/kg hay từ 10.100 đồng - 10.500 đồng/kg.

Bà Y cung cấp được các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH D thì giá thức ăn dao động từ 10.100 đồng - 10.500 đồng/kg mà phía Công ty D xuất cho bà Y cùng thời điểm bà Y mua thức ăn và bán lại cho nguyên đơn. Các hóa đơn này thể hiện giá Công ty D bán cho bà Y từ 10.100 - 10.500 đồng/kg nên nguyên đơn cho rằng bà Y bán cho nguyên đơn với giá 9.000 đồng/kg là không có căn cứ.

Về nghĩa vụ thanh toán đối với số lượng lệch 39.000 kg và giá trị thành tiền:

Nguyên đơn thừa nhận từ ngày 05/5/2018 - 30/8/2018 thực nhận 1.491.270 kg thức ăn của bà Y. Anh H2 là người đã nhận và vận chuyển thức ăn cho bà Y với số lượng 1.530.270 kg từ ngày 05/5/2018 - 30/8/2018 để giao cho nguyên đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giao nhận thức ăn giữa anh H2 và nguyên đơn, anh H2 không chứng minh được đã giao đủ số lượng 1.530.270 kg cho nguyên đơn và nguyên đơn cũng không thừa nhận số lượng 1.530.270 kg mà chỉ thừa nhận với số lượng 1.491.270 kg. Do bà Y là đại lý cấp 1 của Công ty D1 bán thức ăn nuôi cá cho nguyên đơn nên bà Y phải có trách nhiệm đối với số lượng chênh lệch 39.000 kg thức ăn đối với nguyên đơn và anh H2 phải chịu trách nhiệm đối với bà Y. Bà Y chưa có yêu cầu trong vụ án này đối với anh H2, nên dành cho bà Y một vụ kiện dân sự khác để khởi kiện anh H2, như vậy cũng đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y.

Hội đồng xét xử căn cứ vào mức trung bình của giá 10.100 đồng/kg và 10.500 đồng/kg là 10.300 đồng/kg. Vì vậy, 39.000 ký thức ăn thành tiền: $39.000 \text{ kg} \times 10.300 \text{ đồng/kg} = 401.700.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Y buộc ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 trả cho bà Đỗ Thị Thu Y 15.339.560.000 đồng tiền thức ăn nuôi cá.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu Y đòi ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 trả tiền 39.000 ký thức ăn trị giá 401.170.000 đồng.

Về án phí:

Ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1953 thuộc trường hợp “Người cao tuổi” nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Thu Y, sinh năm 1960 thuộc trường hợp “Người cao tuổi” nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1.

Buộc bà Đỗ Thị Thu Y phải trả cho ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 15.740.730.000 đồng tiền cá tra nguyên liệu năm 2019.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV C1 và bà Đỗ Thị Thu Y phải trả 23.603.170.000 đồng, bao gồm:

Tiền cá tra nguyên liệu theo hợp đồng ngày 20/12/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018 là 15.818.070.000 đồng.

Tiền bồi thường thiệt hại 7.785.100.000 đồng

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Thu Y.

Buộc ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 phải trả cho bà Đỗ Thị Thu Y 15.339.560.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu Y đòi ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 trả tiền 39.000 ký thức ăn trị giá 401.170.000 đồng.

1.3. Dành cho bà Đỗ Thị Thu Y một vụ kiện dân sự khác để khởi kiện anh Nguyễn Hoàng H2 về việc tranh chấp 39.000 kg thức ăn.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hồng Đ và bà Nguyễn Thị Đ1.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Đỗ Thị Thu Y

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TVL;
- VKSND TPVL;
- CCTHA TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Phạm Hải Châu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ phút ngày 17/7/2024.

Tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Lê Văn Thới

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 60/2022/TLST – DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”, giữa:

Nguyên đơn:

1. Ông Lê Hồng Đức, sinh năm 1956.

2. Bà Nguyễn Thị Đông, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Tổ 8 ấp Tân Hòa, xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lại Phan Xuân Đào, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 23 đường Lê Thị Riêng, Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (hợp đồng ủy quyền ngày 12/5/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Thị Xuân Hương và Luật sư Võ Thị Thảo – Văn phòng Luật sư Xuân Hương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Cát Tường; trụ sở: Số 126/21G đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Chị Võ Thị Xuân Quyên - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Xuân Quyên: Ông Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 43/25H Khóm 2, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Thu Yến - Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Cát Tường; địa chỉ: Số 126/21G đường Trần Phú, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Thu Yến: Anh Trần Chính Thống, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 125A, đường Nguyễn Văn Lâu, Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2019).

2. Ông Võ Văn Sang, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 96/2 đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Sang: Ông Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 43/25H Khóm 2, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2023).

3. Anh Nguyễn Hoàng Hùng; địa chỉ: Số 112 đường Lò Rèn, Phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Đức và bà Nguyễn Thị Đông.

Buộc bà Đỗ Thị Thu Yến phải trả cho ông Lê Hồng Đức và bà Nguyễn Thị Đông 15.978.501.000 đồng tiền cá tra nguyên liệu năm 2019, nhưng được trừ vào số tiền đã trả 237.771.000 đồng. Bà Đỗ Thị Thu Yến còn phải trả 15.740.730.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng Đức và bà Nguyễn Thị Đông về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Cát Tường và bà Đỗ Thị Thu Yến phải trả 23.603.170.000 đồng, bao gồm:

Tiền cá tra nguyên liệu theo hợp đồng ngày 20/12/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 12/3/2018 là 15.818.070.000 đồng.

Tiền bồi thường thiệt hại 7.785.100.000 đồng

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Thu Yến.

Buộc ông Lê Hồng Đức và bà Nguyễn Thị Đông trả cho bà Đỗ Thị Thu Yến 15.339.560.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Thu Yến đòi ông Lê Hồng Đức và bà Nguyễn Thị Đông trả tiền 39.000 ký thức ăn trị giá 401.170.000 đồng.

1.3. Dành cho bà Đỗ Thị Thu Yến một vụ kiện dân sự khác để khởi kiện anh Nguyễn Hoàng Hùng về việc tranh chấp 39.000 kg thức ăn.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Hồng Đức và bà Nguyễn Thị Đông.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Đỗ Thị Thu Yến

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến với tỷ lệ 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 17 tháng 7 năm 2024. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1.....

2.....